TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST Ngày: 12-02-2018. "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Bà Trần Thiên Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Châu Nữ Thu Hân.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 12/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Danh T, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Thị Ngọc Tu, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ B, phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Anh T và chị Tu có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án,anh Danh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu sống chung như vợ chồng vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh T và

chị Tu sống hạnh phúc. Đến năm 2015, anh T và chị Tu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên anh T và chị Tu không quan Ta lẫn nhau. Anh T và chị Tu không sống chung từ đầu năm 2016 đến nay. Khoảng thời gian xa nhau, anh T và chị Tu đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Anh T nhận thấy anh chị không còn tình cảm với nhau nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc Tu.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Danh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1990, Danh Hoàng Ta, sinh ngày 27/7/1999, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Tu trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc Tu thống nhất lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn, thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị Lê Thị Ngọc Tu đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Danh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1990, Danh Hoàng Ta, sinh ngày 27/7/1999, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Danh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn Lê Thị Ngọc Tu có địa chỉ tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu được xác lập vào năm 1989, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu

thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị.

[3] Xét con chung: Anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu có 02 con chung tên Danh Thị Ngọc Tr, sinh năm 1990, Danh Hoàng Ta, sinh ngày 27/7/1999, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung: Anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu thống nhất anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét nợ chung: Anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu thống nhất anh, chị không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Anh Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Ngọc Tu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000020 ngày 16/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy anh Danh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Ngọc Tu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Danh T và chị Lê Thị Ngọc Tu có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh